TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK LẮK
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

534/ 1.2

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH HỆ TẬP TRUNG, A48 - A, KHÓA HỌC 2018

Thi phần I.1: những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Ngày thi: 15/6/2018;

Thời gian làm bài: ....180.. phút;

Phòng thi số: 05.

Sbd	Họ và	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
01	Nguyễn Thế	Anh	07/05/1988	02		14	7,0	Bảy	
02	Đoàn Nguyễn Thả	Anh	20/11/1990	02		3	7,25	Bảy, hai năm	
03	Phạm Thế	Anh	30/01/1985	02		39	6,25	Sáu, hai năm	
04	Nguyễn Hữu	Chí	26/05/1985	02		47	7,0	Bảy	
05	Hồ Thị	Đào	03/09/1990	02		40	7,5	Bảy, năm	
06	Hoàng Mạnh	Đạt	11/01/1988	02		19	6,75	Sáu, bảy năm	
07	Đào Mạnh	Đức	24/01/1984	02		9	7,0	Bảy	
08	Trần Võ Hoàng	Dung	14/7/1987	02		32	7,5	bảy, năm	
09	Lê Sỹ	Duy	20/12/1989	01		52	6,75	Sáu, bảy năm	
10	Cao Như	Giáp	19/05/1986	01		46	6,5	Sáu, năm	
11	Nguyễn Song	Giáp	30/8/1991	02		33	7,25	Bảy, hai năm	
12	Lê Minh	Hảo	13/8/1985	01		51	6,25	Sáu, hai năm	
13	Trương Nhi	Hiếu	20/11/1988	02		43	7,0	Bảy	
14	Trịnh Thị Thanh	Hòa	12/12/1988	02		7	7,75	Bảy, bảy năm	
15	Hoàng Xuân	Hòa	16/01/1986	02		6	6,75	Sáu, bảy năm	
16	Văn Đức	Hoàn	18/7/1993	02		1	7,25	Bảy, hai năm	
17	Nguyễn Đức	Hoàng	15/01/1984	02.		21	6,75	Sáu, bảy năm	

	Họ và	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
18	Nguyễn Võ	Hoàng	04/07/1992	02		36	7,0	Bảy	
19	Hoàng Thị Lan	Hồng	10/01/1990	02		20	7,25	bảy, hai năm	
20	Lê Anh	Hùng	20/7/1985	01		34	6,25	Sáu, hai năm	
21	Nguyễn Tấn	Hùng	09/9/1982	03		2	7,5	bảy, năm	
22	Đỗ Thị	Huyến	06/10/1981	01		50	6,25	Sáu, hai năm	
23	Y Nguyên	Kbuôr	06/03/1995	02		28	7,75	bảy, bảy năm	
24	Dương Đăng	Khoa	24/01/1986	02		42	6,5	Sáu, năm	
25	Nông Trung	Kiên	20/8/1989	02		41	6,0	Sáu	
26	Trần Xuân	Kiên	19/8/1987	02		18	6,75	Sáu, bảy năm	
27	Nguyễn Đình	Kiều	23/07/1987	02		54	7,25	bảy, hai năm	
28	Trần Ngọc	Lam	04/9/1986	02		45	7,0	bảy	
29	Y Iêng	Liêng	27/8/1986	01		24	5,5	Năm, năm	
30	Nguyễn Trường	Minh	06/02/1985	02		25	7,0	bảy	
31	H' Põr	Mlô	10/05/1988	02		12	7,0	bảy	
32	Lê Đình	Nam	20/10/1984	03		5	7,25	bảy, hai năm	
33	Y Thăm	Ndu	14/04/1992	02		27	7,0	bảy	
34	Phạm Minh	Ngọc	21/08/1987	02		29	7,0	bảy	
35	Cao Thị Mỹ	Nguyên	18/8/1989	02		17	7,5	bảy, năm	
36	Hồ Thị Cao	Nguyên	10/9/1991	02		23	6,5	Sáu, năm	
37	Hoàng Anh	Nguyên	02/5/1989	02		10	7,25	bảy, hai năm	
38	Nguyễn Thành	Nhơn	30/6/1988	01		49	6,0	Sáu	
39	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	29/5/1989	03		15	7,5	bảy, năm	
40	H Mai	Niê	10/4/1993	02		38	7,25	bảy, hai năm	

	Họ và	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	Cao Thị Kim	Oanh	01/01/1988	02	Oanh	22	7,25	Bảy, hai năm	
42	Lê Phước	Tài	15/01/1989	02		11	7,5	Bảy, năm	
43	Nguyễn Công	Tân	15/03/1987	02		26	6,25	Sáu, hai năm	
44	Bùi Vũ	Thạch	19/5/1985	01		55	6,75	Sáu, bảy năm	
45	Vũ Tất	Thắng	12/11/1985	02		53	7,0	Bảy	
46	Vũ Quang	Thắng	14/10/1994	02		16	7,25	Bảy, hai năm	
47	Hồ Thị Thu	Thủy	03/05/1988	2	Thuỷ	44	6,75	Sáu, bảy năm	
48	Lâm Ngọc	Tú	25/11/1984	02		48	6,75	Sáu, bảy năm	
49	Phạm Minh	Tuấn	26/08/1984	02		37	7,0	Bảy	
50	Phan Đình	Tuấn	22/01/1984	02		31	6,75	Sáu, bảy năm	
51	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	04/04/1990	03		8	8,0	Tám	
52	Ngọc Đào Công	Vinh	25/9/1984	02		13	7,0	Bảy	
53	Phạm Văn	Vinh	11/02/1985	03		4	7,5	Bảy, năm	

Tổng số :..... 104 ..... tờ/ ..... 53 ..... bài

GIÁM THỊ 1

Phùng Thu Phương Loan

GIÁM THỊ 2

Phan Thị Thùy Liên

Ngày..09..tháng.....8...năm 2018

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Quảng

Ngày..08..tháng....8....năm 2018

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

BAN GIÁM HIỆU

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Văn Dũng

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Ngô Hoài Thu

TRƯỞNG KHOA